TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2024
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhất Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chung**

Bà **Lê Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Anh** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 251/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, về việc *"Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Kim L**, sinh năm: 1978;

Nơi cư trú: Tổ 1B, thôn 2, xã M, huyện B, Bình Thuận; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông **Võ Đồng X**, sinh năm: 1979;

Nơi cư trú: Thôn Vạn Hữu, xã Q, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Kim L trình bày:* Tôi với ông Võ Đồng X đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã N năm 2010. Tôi với ông X sống chung khoảng 3 tháng, thấy không hợp nên tôi đã về nhà mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay, chúng tôi không còn liên lạc. Nay tôi xin được ly hôn với ông X.

Về con chung: Tôi với ông X không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác nhận là không có và không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Đồng X được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không trình bày ý kiến.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tại phiên tòa sơ thẩm:*

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Bà Nguyễn Kim L được ly hôn với ông Võ Đồng X.

Về con chung: không có nên đề nghị không xem xét

Về tài sản chung và nợ chung: bà L không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Kim L phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Đồng X được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng bị đơn. Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với bị đơn cư trú tại thôn Vạn Hữu, xã Q, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Ninh Hoà.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Kim L và ông Võ Đồng X tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37/2010 cấp ngày 25/5/2010 vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Kim L với ông Võ Đồng X sống chung khoảng 3 tháng, thấy không hợp nên bà L đã về nhà mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay, bà L và ông X không còn liên lạc. Tại phiên toà, bị đơn ông Võ Đồng X được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là không thể hiện sự thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa bà L và ông X không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn ông X là có cơ sở. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Kim L là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà L và ông X không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Kim L được ly hôn với ông Võ Đồng X.

- *Về con chung:* Bà L và ông X không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Kim L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005736 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- UBND xã Q, GCNKH số 37/2010 ngày 25/5/2010;
- CCTHADS thị xã N;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhất Anh